

MỘT SỐ KHÓ KHĂN ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHI HỌC MÔN NGÔN NGỮ HỌC XÃ HỘI BẰNG TIẾNG ANH VÀ GIẢI PHÁP

Bùi Diễm Hạnh

Trường Đại học Sài Gòn

Tóm tắt: Vai trò của người thầy dạy ngôn ngữ không chỉ chủ yếu là dạy ngôn ngữ mà còn dạy văn hóa và xã hội xung quanh ngôn ngữ. Ngôn ngữ học xã hội xoáy sâu vào mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội. Người thầy đóng vai trò quan trọng trong việc giới thiệu cho sinh viên các quan niệm về ngôn ngữ trong xã hội. Trong môi trường Đại học, đặc biệt là sinh viên chuyên Anh năm cuối chuẩn bị ra trường, các em không còn học những kỹ năng cơ bản như nghe, nói, đọc, viết, ... nữa mà các em cần phải có năng lực giao tiếp tốt trong xã hội để chuẩn bị vào đời với vốn ngôn ngữ tiếng Anh của các em đã học. Do đến năm cuối các em mới được dạy những kiến thức về ngôn ngữ học xã hội, nên không thể tránh khỏi những khó khăn đáng kể khi phải tiếp nhận hàng loạt những yêu cầu mới của môn học vốn các em chưa từng được chuẩn bị ở những học phần trước. Ở bài viết này, chúng tôi trình bày những khó khăn cụ thể mà các em đã gặp phải khi học môn Ngôn ngữ học xã hội bằng tiếng Anh và một số giải pháp để các em học môn này một cách hứng thú và có hiệu quả.

Từ khóa: Ngôn ngữ học xã hội; mối quan hệ giữa ngôn ngữ và xã hội.

Nhận bài ngày 18.10.2020; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 28.10.2020

Liên hệ tác giả: Bùi Diễm Hạnh; Email: hanhbuidiem@yahoo.com.vn

1. MỞ ĐẦU

Trong suốt 3 năm học Đại học, việc sinh viên chuyên Anh chỉ tập trung nhiều vào các kỹ năng ngôn ngữ như nghe, nói, đọc, viết, những môn chuyên ngành, ... để đến năm cuối mới được học môn Ngôn ngữ học xã hội mà không được từng bước làm quen như môn Kỹ năng viết 1, rồi đến Kỹ năng viết 2 và Kỹ năng viết 3, ... đưa đến thực trạng đột ngột, gây ngán ngẫm trong giờ học do quá nhiều kiến thức mới mẻ về ngôn ngữ trong các tình huống giao tiếp khác nhau với quá nhiều thuật ngữ chuyên ngành cần phải nắm bắt và lĩnh hội, dẫn đến một tình trạng đáng báo động về những khó khăn không nhỏ cho cả bậc thầy - những người xây dựng bài giảng, lẫn học trò - những người tiếp thu kiến thức.

2. NỘI DUNG

2.1. Thái độ ngôn ngữ

Ladegard, Hans J. (2018) đã phân tích các thành phần tạo nên thái độ ngôn ngữ gồm kiến thức (knowledge), dẫn đến cảm xúc (emotion) và hình thành cách cư xử (behaviour).

Trong thực tế giảng dạy bộ môn này, vào buổi học đầu tiên, khi kiến thức về các quan niệm trong môn Ngôn ngữ học xã hội còn trừu tượng, phức tạp và không rõ ràng, các em tỏ ra hoang mang, lo sợ, dẫn đến cảm xúc chán chường; từ đó, không tránh khỏi cách cư xử rất thờ ơ, không hợp tác với giảng viên. Chẳng hạn, những cuộc thảo luận về cảm nghĩ của các em trong buổi học đầu tiên đều có kết quả là các em thể hiện hàng loạt những ý kiến rất mơ hồ về mục đích nghiên cứu Ngôn ngữ học xã hội. Các em thật sự không biết học môn này để làm gì; nói cách khác, môn này có ứng dụng gì. Cụ thể là Ngôn ngữ học xã hội giúp gì trong nghề dạy tiếng Anh của các em trong tương lai.

Nguyễn Văn Khang (2012) cũng cho rằng: “Theo tinh thần luận, thái độ của cá nhân với đối tượng sẽ quyết định việc ứng xử của cá nhân với đối tượng đó và như vậy thái độ sẽ dẫn đến hành vi và hành vi là kết quả của thái độ”. Quan điểm này của Nguyễn Văn Khang rất đúng với thực tế trong các lớp học tiếng Anh môn Ngôn ngữ học xã hội rằng một khi các em chưa hiểu rõ về lợi ích của môn này, kiến thức hạn hẹp ấy sẽ dẫn đến hành vi học tập uể oải, bị động, không đóng góp xây dựng bài.

Bàn về khó khăn này trong lớp học, McGroarty, M (1996) đã đặt ra một câu hỏi rất thuyết phục: ‘Làm sao người thầy có thể tiến hành tốt công việc giảng dạy của mình khi người học mang vào lớp học một thái độ mơ hồ về môn học và có hành vi không hợp tác với bài giảng?’. Ông đã đưa ra khái niệm về một hướng thúc đẩy (motivation) là khích lệ các em hiểu được trọng tâm bài giảng (desire to achieve the goal).

Khi viết về thái độ ngôn ngữ, Nguyễn Văn Khang (2012) đã nhận định: “thái độ ngôn ngữ tác động đến việc học ngôn ngữ thứ hai”. Thật vậy, thái độ ngôn ngữ là khó khăn không nhỏ đối với sinh viên học Ngôn ngữ học xã hội bằng tiếng Anh ngay buổi học đầu tiên vì các em không có một thái độ đúng đắn về những quan niệm mới mẻ của môn Ngôn ngữ học xã hội bằng tiếng Anh. Do đó, giảng viên cần phải có hướng xử lý thích hợp vì khi vượt qua được ngưỡng này, người giảng viên có thể thu hút các sinh viên hứng thú với môn học trong những giờ học kế tiếp.

2.2. Tiếp xúc ngôn ngữ

Xã hội là nhân tố tạo ra sự tiếp xúc ngôn ngữ. Theo cách nhìn truyền thống, sự tiếp xúc ngôn ngữ bắt đầu từ việc học ngôn ngữ khác. Theo cách nhìn của ngôn ngữ học xã hội, cội nguồn của sự tiếp xúc ngôn ngữ bắt đầu từ việc học thêm ngôn ngữ khác. Khi nói đến tiếp xúc ngôn ngữ cũng là nói đến ảnh hưởng của ngôn ngữ đang sử dụng tới ngôn ngữ tiếp thu. Ví dụ, người Việt Nam học tiếng Anh sẽ chịu ảnh hưởng của tiếng Việt tới ngôn ngữ đang học: tiếng Anh.

Vận dụng vào thực tế lớp học, các sinh viên khi học môn Ngôn ngữ học xã hội bằng tiếng Anh chắc chắn sẽ chịu ảnh hưởng không ít những quan niệm trong tiếng Việt tới các quan niệm ngôn ngữ xã hội học được diễn giải bằng tiếng Anh. Chẳng hạn, khi các sinh viên đọc câu tiếng Anh: “Language and society intertwined because a society moves with

language.”, các em sẽ không hiểu lí do tại sao ngôn ngữ và xã hội bện chặt vào nhau (intertwine) và các em càng không hiểu rằng xã hội *vận động* (moves) cùng với ngôn ngữ. Rõ ràng, các em đã chịu ảnh hưởng của cách dịch từng từ trong tiếng Việt vào câu tiếng Anh. Chính quá trình tiếp xúc ngôn ngữ sẽ giúp các em nhận ra quan điểm phải đặt từ vào ngữ cảnh của câu để dịch cho đúng ý. Câu trên cần được hiểu như sau: “Ngôn ngữ và xã hội không tách rời nhau vì xã hội phát triển thì ngôn ngữ phát triển theo”.

Như vậy, “Tiếp xúc ngôn ngữ là một hiện tượng ngôn ngữ và xã hội, giúp con người từ những ngôn ngữ khác nhau có thể tương tác với nhau dẫn đến sự chuyển đổi trong đặc điểm ngôn ngữ.” (Richard N., 2018). Nói cách khác, sau khi tiếp xúc với ngôn ngữ tiếng Anh, sinh viên cần có khả năng chuyển đổi (transfer) sao cho phù hợp với đặc điểm ngôn ngữ Việt. Nếu trong quá trình tiếp xúc ngôn ngữ, sinh viên gặp phải những khái niệm không gần gũi với đặc điểm ngôn ngữ dân tộc thì sinh viên sẽ gặp khó khăn rất lớn trong vấn đề tương tác với bạn bè và thầy cô trong cùng môn học đang quan tâm; cụ thể là môn Ngôn ngữ học xã hội, một bộ môn với rất nhiều khái niệm mới (sociolinguistics variation, speech acts, speech events,...).

2.3. Số lượng thuật ngữ chuyên ngành quá nhiều

Nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành trong bộ môn Ngôn ngữ xã hội học là một vấn đề hết sức nan giải vì để hiểu rõ nghĩa của các thuật ngữ chuyên ngành trong bộ môn này, người học cần phải có một kiến thức về ngôn ngữ và xã hội sâu rộng.

Chẳng hạn như:

“The four categories of speech acts are locutionary acts, illocutionary acts, perlocutionary acts and propositional act.”

Chỉ trong một câu, sinh viên phải tiếp nhận 5 thuật ngữ hoàn toàn mới lạ và mặt chữ rất khó nhớ bao gồm:

+ speech acts

- locutionary acts
- illocutionary acts
- perlocutionary acts
- propositional acts

Như vậy muốn hiểu speech act là gì thì cần phải hiểu định nghĩa của bốn loại nhỏ hơn. Thế là sinh viên phải tiếp nhận hết định nghĩa này đến định nghĩa khác như sau:

- Speech acts are utterances that involve both language and social information like promise, argue, joke, etc.

(Speech act là các lời nói cung cấp thông tin về cả ngôn ngữ lẫn xã hội như hứa hẹn, tranh luận, nói đùa, v.v...)

- Locutionary acts are simply acts of uttering sounds, syllables, words, phrases and sentences from a language.

(Locutionary acts đơn giản là động tác thốt ra các âm thanh, các âm tiết, các từ, các nhóm từ và các câu trong ngôn ngữ.)

- Illocutionary acts are performed in doing something with an utterance.

(Illocutionary acts là các hành động biểu hiện lời người nói muốn diễn đạt.)

- Perlocutionary acts are performed by producing an effect on the hearer with an utterance.

(Perlocutionary acts là những hành động gây ảnh hưởng đến người nghe khi nói.)

- Propositional acts have to do with the content of utterances referring to something without the tendency of communication.

(Propositional acts có liên quan đến sự việc cần đề cập đến nhưng không có ý giao tiếp.)

Rõ ràng, speech act là một thuật ngữ chuyên ngành vừa bao hàm cả thông tin về ngôn ngữ như việc đề cập đến sự việc xung quanh (Propositional acts) qua các vô âm thanh, âm tiết, câu, chữ (Locutionary act) lẫn thông tin về xã hội như: qua ngôn ngữ, con người muốn truyền đạt ý tưởng mình muốn nói (Illocutionary act) hay muốn tác động đến người khác thực hiện theo ý muốn của mình khi nghe mình giao tiếp với họ (Perlocutionary act).

Với quá nhiều thuật ngữ chuyên ngành cần phải làm rõ như trường hợp trên thì quả thật đây là một tình huống khó khăn trong giờ học, người thầy cần phải có phương pháp giảng dạy thế nào để sinh viên không cảm thấy chán nản khi phải nghe hết định nghĩa này đến định nghĩa khác một cách liên tục.

2.4. Vấn đề ngôn ngữ và văn hóa, xã hội

Khi học một ngôn ngữ nào đó, sinh viên thường tập trung vào chính ngôn ngữ đó như văn phạm, từ vựng, phát âm, v.v. Tuy nhiên, khi học Ngôn ngữ học xã hội, các em có cơ hội tiếp xúc ngôn ngữ qua ngữ cảnh. Ngôn ngữ nên được hiểu trong tình huống, tại địa điểm cụ thể và gắn chặt với văn hóa hiện tại.

R.A Huson (1996) định nghĩa ngôn ngữ học xã hội như sau: “Sociolinguistics is the study of social and cultural effects on language”. Theo ông, ngôn ngữ học xã hội là việc nghiên cứu ảnh hưởng văn hóa và xã hội tới ngôn ngữ.

Vấn đề là sinh viên cần phải liên tưởng đến văn hóa và xã hội nơi mà các em đang sống đã ảnh hưởng đến ngôn ngữ như thế nào. Nếu các em không có khả năng này, giảng viên cần thiết kế bài giảng bao gồm những hoạt động giúp các em nhìn thấy vấn đề. Có như thế các em mới hiểu được định nghĩa một cách rõ ràng.

Như vậy, nếu các em không có khái niệm về mối quan hệ mật thiết giữa ngôn ngữ và văn hóa, xã hội thì đây là điểm khó khăn trong quá trình học môn Ngôn ngữ học xã hội.

2.5. Hướng khắc phục

2.5.1. Thái độ ngôn ngữ

Ngay từ giờ học đầu tiên, sinh viên cần được trang bị một kiến thức về mục đích nghiên cứu của Ngôn ngữ học xã hội và các ứng dụng thực tiễn của bộ môn này vì có nắm được ý nghĩa và tầm quan trọng của bộ môn, các em mới có thái độ ngôn ngữ đúng đắn dẫn đến hành vi ứng xử đúng mực trong giờ học.

Ngôn ngữ học xã hội ra đời nhằm mục đích giải quyết các vấn đề ngôn ngữ có liên quan đến xã hội. Nói cách khác, Ngôn ngữ học xã hội là bộ môn khoa học xuất phát từ góc độ của khoa học xã hội như xã hội học, nhân chủng học, dân tộc học, địa lí học, lịch sử, triết học, v.v để khảo sát ngôn ngữ. Với mục đích nghiên cứu của ngôn ngữ học như vậy, người học môn này chắc chắn sẽ tiếp thu một khối lượng kiến thức rất phong phú về mối quan hệ của ngôn ngữ với xã hội. Nhưng nếu mục đích nghiên cứu của Ngôn ngữ học xã hội được truyền thụ vào buổi học đầu tiên, các em sẽ có thái độ đam mê với việc sử dụng tiếng Anh để tìm hiểu bộ môn mang tính xã hội rất lí thú này; lí thú vì chỉ cần có kiến thức về một ngôn ngữ, các em sẽ có kiến thức về những lĩnh vực liên quan trong xã hội sử dụng ngôn ngữ đó.

Người thầy cũng nên cung cấp cho sinh viên ngay buổi học đầu tiên những ứng dụng của Ngôn ngữ học xã hội trong các lĩnh vực như thương mại, y học, v.v... và nhất là ứng dụng của Ngôn ngữ học xã hội đối với chuyên ngành sư phạm các em đang học.

Trong lĩnh vực thương mại, để có những câu quảng cáo hay, nhà quảng cáo cần phải nghiên cứu các lĩnh vực mà các nhà ngôn ngữ học xã hội nghiên cứu như tuổi tác, trình độ giáo dục, nghề nghiệp, v.v... của người tiêu thụ. Như vậy, ngôn ngữ quảng cáo trong thương mại có quan hệ mật thiết với ngôn ngữ học xã hội.

Trong lĩnh vực y học, bác sĩ cần phải quan tâm nhiều đến tâm lí bệnh nhân. Do đó, ngôn ngữ tiếp xúc với bệnh nhân phải rõ ràng, dễ hiểu, và nhẹ nhàng để bệnh nhân hiểu chính xác căn bệnh của mình và không cảm thấy bị quan sau khi gặp bác sĩ. Để làm được như thế bác sĩ phải nắm được tâm lí, lứa tuổi, tính cách của bệnh nhân, những lĩnh vực nghiên cứu thuộc Ngôn ngữ học xã hội.

Trong lĩnh vực giảng dạy, cũng giống như các bác sĩ, người thầy cần phải nắm vững đối tượng mình giảng dạy về lứa tuổi, tâm lí, trình độ văn hóa, điều kiện sống,... để chọn khối lượng và đặc điểm ngôn ngữ thích hợp trong từng bài giảng, giúp các em hiểu bài một cách dễ dàng và có hiệu quả.

Như vậy, người thầy cần thiết kế bài giảng đào sâu về mục đích và ứng dụng của ngôn ngữ học xã hội ngay buổi học đầu tiên để các em có thái độ ngôn ngữ đúng đắn, từ đó có hành vi ứng xử tốt trong những tiết học sau.

2.5.2. Tiếp xúc ngôn ngữ

Để giải quyết khó khăn này trong lớp học, giảng viên phải cung cấp cho các em mối quan hệ giữa câu tiếng Anh và xã hội các em đang sống. Chẳng hạn, khi dạy câu: “Sociolinguistics is the study of social and cultural effects on language.”, giảng viên cần phải yêu cầu các em đưa ví dụ cụ thể về sự ảnh hưởng của xã hội Việt Nam tới ngôn ngữ.

Để tổ chức lớp sinh động, sinh viên được chia ra thành nhiều nhóm, thi đua với nhau, mỗi nhóm một ví dụ, cuối cùng ví dụ của nhóm nào hay nhất là nhóm thắng cuộc. Chẳng hạn, trong thời đại phát triển công nghệ, sự ra đời của máy tính trong xã hội đã ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển ngôn ngữ vì hàng loạt từ ngữ ra đời như: máy tính xách tay (laptop), bàn phím (keyboard), con chuột (mouse), app (chương trình ứng dụng),... và bộ môn nghiên cứu sự ảnh hưởng của xã hội đối với ngôn ngữ như ví dụ trên chính là môn Ngôn ngữ học xã hội. Bằng cách liên hệ đến xã hội nơi mà các em đang sống như ví dụ trên, các em sẽ hiểu được vấn đề dễ dàng và rõ ràng hơn.

Tiếp xúc ngôn ngữ Việt để hiểu ngôn ngữ Anh là phương pháp tối ưu để các em nắm rõ các khái niệm được diễn đạt bằng tiếng Anh dài dòng và khó hiểu.

2.5.3. Thuật ngữ chuyên ngành

Để thuật ngữ chuyên ngành không tạo nên một không khí nặng nề cho lớp học, giảng viên không nên yêu cầu sinh viên dịch từng định nghĩa một vì phương pháp này rất chán chường.

Lớp học sẽ sinh động hơn nếu giảng viên đưa ra một ví dụ bao gồm các thuật ngữ chuyên ngành, sinh viên sau khi lắng nghe ví dụ tự nhận ra vấn đề và hiểu các định nghĩa rất sâu. Trở lại vấn đề ở phần 2.3, để giải thích hàng loạt những định nghĩa kéo theo, giảng viên có thể đưa ra ví dụ như sau:

- *Oh!* - is an utterance. Note that communication is not intended - it is just a sound caused by surprise. So *Oh!* is the **locutionary act**.

(*Oh!* Là một lời thốt ra. Chú ý rằng khi thốt ra một từ như vậy, người nói không có dự tính giao tiếp, mà chỉ là một âm thanh thốt ra do ngạc nhiên. Vì thế, theo định nghĩa thì *Oh!* là locutionary act.)

- *The black cat* - is a **propositional act** - Something is referenced, but no communication may be intended.

(*Con mèo đen* là **propositional act** vì khi thốt ra những từ này, người nói chỉ muốn đề cập đến con vật này chứ không có dự tính giao tiếp.)

- *The black cat is stupid* - is an **illocutionary act** . It intends to communicate. (Nhưng câu *Con mèo đen này không khôn ngoan* là **illocutionary act** bởi vì người nói có ý định giao tiếp.)

- *Please find the black cat* - is a directive **perlocutionary act** . It seeks to change behaviour.

(Câu *Xin vui lòng tìm giúp con mèo đen* là **perlocutionary act** vì người nói đã khiến người nghe phải thay đổi động thái hiện tại để đi tìm con mèo.)

Tóm lại, phương pháp giảng dạy như trên sẽ giúp sinh viên hiểu được các thuật ngữ chuyên ngành qua tình huống và không nhất thiết phải dịch sang tiếng Việt từng thuật ngữ

nhưng các em vẫn có thể hiểu được các thuật ngữ một cách rõ ràng qua những ngữ cảnh thú vị tạo hứng thú trong giờ học.

2.5.4. Vấn đề ngôn ngữ, văn hóa và xã hội

Nội dung bài giảng chỉ được làm rõ khi giảng viên giúp các em liên tưởng với văn hóa, xã hội nơi mà các em được sinh ra và lớn lên. Chẳng hạn, để giúp các em hiểu câu: *“Individual variation of language can give a lot of information about the place the speaker is from.”* (Ngôn ngữ của từng cá nhân khác nhau vì vậy khi nghe người nói phát biểu một câu, người nghe biết được người đó từ vùng nào đến), giảng viên nên chia lớp ra làm nhiều nhóm và mỗi nhóm cho một ví dụ, 5 nhóm là 5 ví dụ và nhóm nào có ví dụ hay nhất sẽ được cộng điểm. Phương pháp này giúp các em cạnh tranh với nhau để tìm ví dụ hay và như vậy không khí lớp học rất hào hứng.

Hay một bạn trong nhóm này phát biểu một câu, các nhóm kia lắng nghe và quyết định bạn ấy là người vùng nào, nhóm nào đoán đúng sẽ được cộng điểm. Một ví dụ điển hình: khi các em nghe câu: “Mi đi mô rứa.”, các em biết ngay người nói là người từ xứ Huế với nghĩa của ngôn ngữ chuẩn là “Mày đi đâu thế.”. Trò chơi này giúp các em hiểu được một điều rằng mỗi vùng miền có một loại ngôn ngữ riêng biệt, vì thế khi nghe những ngôn ngữ khác nhau từ những cá nhân khác nhau, người nghe sẽ nhận ra người nói từ vùng nào đến.

Và chỉ khi các em liên tưởng đến văn hóa dân tộc như ví dụ bên trên, thì các em mới hiểu bài một cách sâu sắc và tiết học sẽ không nặng nề.

3. KẾT LUẬN

Nói chung, những vấn đề mà sinh viên phải đối mặt trong lớp Ngôn ngữ học xã hội về thái độ ngôn ngữ, tiếp xúc ngôn ngữ, thuật ngữ chuyên ngành, những vấn đề về ngôn ngữ, văn hóa và xã hội là những vấn đề nên được giảng viên xem xét và tìm cách khắc phục với mục tiêu tạo nên một không khí lớp học tươi vui và hiệu quả. Như Shu, X.Y. (2019) trong bài viết về việc dạy và học môn Ngôn ngữ học xã hội đã nhấn mạnh: vấn đề cốt lõi của người dạy ngôn ngữ không chỉ giúp sinh viên hiểu một cách tỉ mỉ những hệ thống văn phạm (*grammatical system*) mà còn giúp các em có khả năng sử dụng ngôn ngữ như một công cụ để học (*ability to use language as an instrument for learning*) và vận dụng ngôn ngữ một cách thích hợp trong những tình huống khác nhau, những nền văn hóa khác nhau (*ability to use language appropriately in varying contexts and different culture*). Đây chính là điểm mạnh của bộ môn Ngôn ngữ học xã hội mà giảng viên và sinh viên cần linh hoạt để phát huy những phương pháp tốt nhất trong quá trình dạy và học bộ môn Ngôn ngữ học xã hội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb. Giáo dục.
2. Nguyễn Kiên Trường (2005), *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội

3. Ladegard, Hans J. (2018), "Language attitudes and sociolinguistic behaviour: Exploring attitude behaviour relations in language", *Journal of sociolinguistics*.
4. McGroarty, M (1996), *Language attitudes, motivation, and standards*. In *Sociolinguistics and Language Teaching*, McKay and Hornberger (ed.). Cambridge: CUP
5. R.A Hudson (1996), *Sociolinguistics*. Cambridge University Press.
6. Richard N. (2018), *Language contact*. Cambridge University Press.
7. Wiley, T.G. (1996), *Sociolinguistics and language learning*, Cambridge University Press.
8. Yu, M. C. (2006), "On the teaching and learning of second language sociolinguistics competence in classroom settings", *Asian EFL Journal*.

PROBLEMS AND SOLUTIONS OF UNIVERSITY STUDENTS WHEN LEARNING SOCIOLINGUISTICS IN ENGLISH

Abstract: *A language teachers' role is critical in teaching not only a language, but also the cultures and societies that surround the language. Sociolinguistics looks at the relationship between language and society and the teachers play an important role in shaping student perceptions of the language in society. In the university environment, especially the English students in the final year preparing to graduate, they no longer learn four basic skills such as listening, speaking, reading, writing, ... but they need to have the ability to communicate well in society to prepare for their life with the English language they have learned. Because they had not been taught the knowledge of sociolinguistics until the last year, considerable difficulties cannot be avoided when they have to accept a series of new requirements of the subject that they had never been prepared in the previous modules. In this article, we present the specific difficulties they have encountered when studying Sociolinguistics in English and some solutions for them to study this subject with interest and effectiveness.*

Key words: *Sociolinguistics; the relationship between language and society.*